

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30/5/2023.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐỒNG NAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Hà**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Đình Hưng**.

2. Bà **Nguyễn Thị Quy**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thùy Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Trần Văn Luân** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 344/2022/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Vũ Văn C**, sinh năm: 1967.

Địa chỉ: Ấp 8, xã G, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Chị **Lê Thị D**, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: ấp 8, xã G, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Anh C, chị D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 09/9/2022, Bản tự khai ngày 28/10/2022 và Đơn xin vắng mặt ngày 28/10/2022, nguyên đơn anh Vũ Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị **Lê Thị D** tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã G cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 58 ngày 09/12/1998. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc đến thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng phai nhạt, đã sống ly thân. Anh nhận thấy khả năng vợ chồng đoàn tụ không có nên yêu cầu được ly hôn với chị **Lê Thị D**.

Về con chung: Anh và chị **Diễm** có 03 con chung là **Vũ Thị Như Q**, sinh ngày 12/3/2000, **Vũ Ngọc Phương Q**, sinh ngày 21/4/2002 và **Vũ Minh Q**, sinh

ngày 09/11/2011. Nay ly hôn đối với cháu Như Q, cháu Phương Q đã trưởng thành và có khả năng lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, anh tự nguyện giao cháu Minh Q cho chị D nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Do bận công việc, không thể đến Tòa án tham gia làm việc, hòa giải và tham gia phiên tòa, đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và tại phiên tòa.

- Theo bản tự khai ngày 10/02/2023 và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn chị Lê Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Văn C tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã G cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 58 ngày 09/12/1998. Trong cuộc sống vợ chồng thỉnh thoảng xảy ra mâu thuẫn về nuôi dạy con cái và tiền bạc, không có việc cãi vã to tiếng dẫn đến đánh nhau nên địa phương không biết. Hiện nay vợ chồng không thường xuyên sinh sống do anh C vào coi rẫy (đã 04 năm). Chị không đồng ý ly hôn với anh C vì vẫn còn thương yêu và mong muốn các con có đầy đủ cha mẹ.

Về con chung: Chị và anh C có 03 con chung là Vũ Thị Như Q, sinh ngày 12/3/2000, Vũ Ngọc Phương Q, sinh ngày 21/4/2002 và Vũ Minh Q, sinh ngày 09/11/2011. Do chị không đồng ý ly hôn nên không đồng ý chia con. Trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn buộc phải chia con thì chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Minh Q, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Do bị bệnh, không thể đến Tòa án tham gia làm việc, hòa giải và tham gia phiên tòa, đề nghị Tòa án cho chị được vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và tại phiên tòa.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

Việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Các đương sự chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử, tổng đạt văn bản tố tụng, giao hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu: Tòa án thực hiện, xác định đúng theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng anh C, chị D đã xảy ra mâu thuẫn, khả năng đoàn tụ không có nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh C. Đề nghị cho anh C được ly hôn với chị Lê Thị D.

Về con chung: Không giải quyết việc nuôi con đối với hai con chung đã thành niên là Vũ Thị Như Q và Vũ Ngọc Phương Q. Chị D có nguyện vọng nuôi cháu Minh Q, xét thấy cháu Minh Q hiện sống cùng chị D, được đi học, được chăm sóc tốt và cháu có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Anh C cũng đồng ý giao cháu Minh Q cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Đề nghị giao cháu cho chị D nuôi dưỡng sau ly hôn. Chị D không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm thời anh C không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị D, anh C được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được đảm bảo thực hiện theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Vũ Văn C phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Vũ Văn C và chị Lê Thị D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh C, chị D.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn Lê Thị D cư trú tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của của Tòa án nhân dân huyện Đ theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về quan hệ pháp luật: Anh Vũ Văn C khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu giải quyết việc nuôi con nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Về luật áp dụng: Anh Vũ Văn C và chị Lê Thị D đăng ký kết hôn năm 1998 nên áp dụng luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Năm 2014 để giải quyết vụ án.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn C và chị Lê Thị D tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã G cấp giấy chứng nhận kết hôn số 58 ngày 09/12/1998 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh C: Anh C xin ly hôn với lý do vợ chồng không hạnh phúc, đã xảy ra mâu thuẫn, hiện tại anh chị đã sống ly thân, vợ

chồng không còn tình cảm. Căn cứ Điều 18 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, xét thấy anh C và chị D không còn sống chung với nhau, đời sống chung vợ chồng đã chấm dứt, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không thực hiện quyền nghĩa vụ chung của vợ chồng. Chị D không đồng ý ly hôn với lý do vợ chồng còn yêu thương, mong muốn các con có đủ cha mẹ, xét lý do không đồng ý ly hôn mà chị D đưa ra là không phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình, chị D cũng không đưa ra phương án để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ. Anh C khẳng định vợ chồng không còn tình cảm và vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn. Nên có đủ cơ sở khẳng định vợ chồng anh C, chị D thật sự mâu thuẫn, không có khả năng đoàn tụ. Vì vậy, anh C xin ly hôn với chị D là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 89, 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên chấp nhận.

Về con chung: Anh C và chị D có 03 con chung là Vũ Thị Như Q, sinh ngày 12/3/2000, Vũ Ngọc Phương Q, sinh ngày 21/4/2002 và Vũ Minh Q, sinh ngày 09/11/2011. Đối với cháu Như Q, cháu Phương Q đã trưởng thành và có khả năng lao động được, anh C và chị D không yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết. Đối với cháu Vũ Minh Q, sinh ngày 09/11/2011 hiện đang sống cùng chị D, được chị D chăm sóc tốt, đồng thời cháu Minh Q có nguyện vọng sống cùng với chị D. Anh C cũng đồng ý giao cháu Minh Q cho chị D nuôi dưỡng sau ly hôn. Bên cạnh đó, qua xác minh thì địa phương xác định anh C và chị D có đủ điều kiện nuôi con. Do đó giao cháu Vũ Minh Q, sinh ngày 09/11/2011 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Tạm thời anh Vũ Văn C không phải thực hiện nghĩa vụ nuôi con chung do chị D chưa yêu cầu.

Anh Vũ Văn C có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, chị D, anh C có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 92, 93, 94 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình: Anh C phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 18, Điều 85, Điều 89, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Văn C. Anh Vũ Văn C được ly hôn với chị Lê Thị D.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Vũ Minh Q, sinh ngày 09/11/2011 cho chị Lê Thị D trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Tạm thời anh Vũ Văn C không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Vũ Văn C có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Anh Vũ Văn C phải chịu 300.000đ tiền án phí sơ thẩm về ly hôn. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh C đã nộp theo biên lai thu số 0003778 ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí. Anh C đã nộp đủ tiền án phí.

6. Quyền kháng cáo: Anh Vũ Văn C và chị Lê Thị D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Lưu HS.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Hà